TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN UYÊN** **TỈNH LAI CHÂU** Bản án số: 05/2017/HSST Ngày: 27/11/2017	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông **Lương Văn Thanh.**

- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Hằng,** Ông **Hoàng Văn Phanh**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy Phượng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Uyên tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tham gia phiên toà: Ông: Đinh Như Quỳnh - Kiểm sát viên

Ngày 27/11/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T ân Uyên, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2017/HSST, ngày 20/10/2017 đối với bị cáo:

1. LÒ VĂN N - sinh năm 1990 - Nơi ĐKHKTT bản T, xã T, huyện T, tỉnh L; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Con ông: Lò Văn S, sinh năm 1969, con bà: Lò Thị E, sinh năm 1971, đều trú tại bản T, xã T, huyện T, tỉnh L; vợ Lò Thị P, sinh năm 1971,(hiện không có mặt tại địa phương) con bị cáo có 02 con, con lớn nhất 2009; con nhỏ nhất sinh 2011.

Tiền án. Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/8/2017, đến ngày 11/9/2017 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cứ trú tại bản T xã T huyện T tỉnh L.(*có mặt).*

*. **Người bị hai:**

1. Nguyễn Quyết Thắng, sinh năm 1985

- Trú tại: Khu 19, xã Thân Thuộc, huyện Tân Uyên (Có mặt).

***. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Đinh Thị T, sinh năm 1974

- Trú tại: Khu 15, Thị trấn T, huyện T, tỉnh L (có mặt).

2. Lò Văn C, sinh năm 1969.

- Trú tại Bản T, xã T, huyện T., tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Lò Văn N, bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T tỉnh L. Truy tố về hành vi phạm tội theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 23/8/2017, Lò Văn N, đi bộ lên bãi chăn thả gia súc thuộc khu 19, xã T, huyện T, khi đến nơi N phát hiện thấy có 01 con trâu cái, màu lông màu đen, khoảng 07 tuổi của gia đình anh Nguyễn Quyết T, sinh năm 1985 trú tại khu 19, xã T đang buộc ở đó. N quan sát xung quanh không thấy có ai trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp con trâu mang đi bán lấy tiền tiêu sài. Sau đó N tiến đến chỗ cọc buộc dây con trâu, dùng tay trái của mình cởi dây buộc và dắt con trâu đi theo đường bê tông, ra đường Quốc lộ 32 rồi đi thẳng lên chợ trung tâm thị trấn T tìm người để bán trâu. Đến khoảng 15 giờ chiều cùng ngày, N dắt trâu lên đến khu vực chợ T, N buộc trâu ở bãi đất trống ở bên ngoài, rồi một mình đi bộ vào chợ. Vào trong chợ, N gặp chị Đinh Thị T, sinh năm 1974 trú tại khu 15, thị trấn T, huyện T (là người bán thịt trâu ở chợ), N liền hỏi "*chị mua trâu không*", chị T trả lời "*có, bán bao nhiêu*", N nói "*em bán 5.000.000 đồng*", sau đó N đưa chị T ra chỗ buộc trâu để xem trâu, xem xong chị T hỏi "*trâu này có giấy tờ không*", N trả lời "*không có*". Qua trao đổi thống nhất N đồng ý bán con trâu vừa trộm cắp được cho chị T với giá 5.000.000 đồng, khi bán N không nói cho chị T biết nguồn gốc con trâu là do N trộm cắp mà có. Sau khi thỏa thuận xong, chị T chở N xuống nhà ông Lò Văn C, sinh năm 1969 (là trưởng bản T) xin chữ ký vào giấy mua bán trâu rồi cả hai cùng đến UBND xã T xin xác nhận. Sau khi xác nhận giấy mua bán trâu xong, chị T chở N quay trở về nhà và trả cho N số tiền 5.000.000 đồng mua bán trâu như đã thỏa thuận. Bán trâu được 5.000.000 đồng, N bắt xe khách đi xuống Hà Nội chữa bệnh, đến ngày 28/8/2017 N quay về nhà và biết được hành vi trộm cắp tài sản của mình đã bị phát hiện nên đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Số tiền bán trâu N đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 09/KL- HĐĐGTS ngày 25/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Con trâu cái, màu lông đen, 07 tuổi mà Lò Văn N đã trộm cắp của gia đình anh Nguyễn Quyết T có giá trị: 26.500.000 đồng.

Vật chứng của vụ án là 01 con trâu cái, màu lông đen, 07 tuổi, Cơ quan điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Quyết T, sinh năm 1985 trú tại

khu 19, xã T, huyện T và ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả con trâu cho anh Nguyễn Quyết T là chủ sở hữu hợp pháp.

Tại bản cáo trạng số: 30/KSĐT- SH Ngày 18/10/2017 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Tân Uyên đã truy tố bị cáo Lò Văn N về tội " *Trộm cắp tài sản* " theo khoản 1 điều 138 BLHS.

Tại phiên Toà đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố đối với bị cáo Lò Văn N phạm tội " *Trộm cắp tài sản* ". áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lò Văn N từ 12 đến 18 tháng tù.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Quyết T và đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả con trâu cho anh Nguyễn Quyết T là chủ sở hữu hợp pháp và không có đề nghị bồi thường gì nên không đề cập giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 579; 580; 582 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Đinh Thị T số tiền mua trâu là 5.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật**.**

Lời nói sau cùng của bị cáo , đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó Hội đồng xét xử khẳng định các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Đối với bị cáo tại phiên Tòa hôm nay lời khai nhận đều phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản lấy lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 23/8/2017, tại khu vực bãi chăn thả gia súc thuộc khu 19, xã T, huyện T, Lò Văn N đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 con trâu cái, màu lông đen, 07 tuổi, có giá trị là 26.500.000 đồng. của gia đình anh Nguyễn Quyết T, N dắt trâu lên đến khu vực chợ T, N buộc trâu ở bãi đất trống ở bên ngoài, rồi một mình đi bộ vào chợ Trung tâm huyện T. Vào trong chợ, N gặp chị Đinh Thị T, (là người bán thịt trâu ở chợ), N liền hỏi "*chị mua trâu không*", chị T trả lời "*có, bán bao nhiêu*", N nói "*bán 5.000.000 đồng*", sau đó N đưa chị T ra chỗ buộc trâu để xem trâu, xem xong chị T hỏi "*trâu này có giấy tờ không*", N trả lời "*không có*". Qua trao đổi thống nhất N đồng ý bán con trâu vừa trộm cắp được cho chị T với giá 5.000.000 đồng, khi bán N không nói cho chị T biết nguồn gốc con trâu là do N trộm cắp mà có. Sau khi thỏa thuận xong, chị T chở N xuống nhà trưởng bản T xin chữ ký vào giấy mua bán trâu rồi cả hai cùng đến UBND xã T xin xác nhận. Sau khi xác nhận giấy mua bán trâu xong, chị T chở N quay trở về nhà và trả cho N số tiền 5.000.000 đồng mua bán trâu như đã thỏa thuận.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: "*Trộm cắp tài sản"* theo quy định khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo với hành vi trộm cắp tài sản là hoàn toàn đúng người đúng tội và không oan sai.

Đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng vè sự an toàn tài sản trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rất rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật được pháp luật bảo vệ, nhưng do lười lao động muốn hưởng thụ những gì không phải mất mồ hôi công sức, coi thường pháp luật bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản là (con trâu) của anh Nguyễn Quyết T để mang đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật, nhưng cũng một phần do mất cảnh giác và chủ của người bị hại nên đã tạo cơ hội để bị cáo thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Xét về nhân thân: Bị cáo Lò Văn N sinh ra và lớn lên tại bản T xã T, được bố mẹ nuôi dưỡng, không được đi học ở nhà lao động phụ giúp gia đình. Đến tuổi trưởng thành xây dụng gia đình. Đến ngày 28/8/2017 bị khởi tố về hành vi

trộm cắp tài sản. Do vậy cần có một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo thành một người tốt, đồng thời cũng có tác dụng giáo dục phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng sau khi phạm tội vụ án bị phát giác bị cáo đến Cơ quan điều tra đầu thú. Do vậy khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự

Bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập thấp kinh tế khó khăn. Nên Hội đồng xét xử không đề cập xử phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với bị cáo quy định tại khoản 5 điều 138 Bộ luật hình sự.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Thị T, tai Cơ quan điều tra cũng như tại phiên Tòa đề nghị bị cáo phải hoàn trả đối với số tiền 5.000.000 đồng đã mua trâu của Lò Văn N nhưng không biết là trâu trộm cắp mà có. Do vậy Hội đồng xét xử cần xem xet lời đề nghị của chị T đối với số tiền 5.000.000 đồng là có cơ sở.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã giải quyết trao trả lại tài do Ngoan trộm cắp cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Quyết T nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Taayên bố bị cáo: Lò văn N phạm tội " *Trộm cắp tài sản*".

1. Hình phạt: Áp khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lò Văn N 12 tháng tù, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam là 14 ngày. Bị cáo phải thi hành hình phạt còn lại là 11 tháng 16 ngày, thời hạn thi hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi vào trại chấp hành án.

2. Về Trách nhiệm Dân Sự: Áp dụng. Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 579 580; 582 Bộ luât dân sự 2015.

- Buộc bị cáo Lò Văn N phải có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền 5.000.000 đồng cho Đinh Thị T. Trú tại: Khu 15 Thị trấn T, huyện T,tỉnh L.

3. Về án phí: Áp dụng điều 99- Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Lò Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

*.***Nơi nhận***

- *TAND tỉnh: 1.*
- *VKS huyện: 2.*
- *THADS :1.*
- *CA :1.*
- *THAPT 1. .*
- *Bị cáo, bị hại ; 2.*
- *Ng Có QLNVLQ. 2*
- *STP, Lai Châu : 1*
- *Lưu HS –TA: 2.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên Tòa

Lương Văn Thanh